

Hùng
xong

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N05)

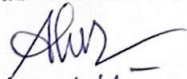
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0 105 3-1-2-23(N05)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
1	231220704	Lê Hải Anh	K64.CNTT1	00,0	K ^o học
2	231230708	Nguyễn Quý Việt Anh	K64.CNTT1	6,6	
3	231230710	Nguyễn Việt Anh	K64.CNTT1	9,2	
4	231220711	Phùng Thế Anh	K64.CNTT1	7,6	
5	231230713	Trương Tuấn Anh	K64.CNTT1	3,4	
6	231230717	Nguyễn Văn Bắc	K64.CNTT1	7,6	
7	231230723	Nguyễn Đình Công	K64.CNTT1	6,8	
8	231230728	Từ Anh Dũng	K64.CNTT1	4,4	
9	231230745	Nguyễn Văn Đình	K64.CNTT1	7,0	
10	231230746	Vũ Văn Đoán	K64.CNTT1	10,0	
11	231230750	Phạm Minh Đức	K64.CNTT1	9,0	
12	231210751	Trần Huy Đức	K64.CNTT1	7,4	
13	231230752	Trần Ngọc Đức	K64.CNTT1	8,4	
14	231230756	Trần Xuân Giáp	K64.CNTT1	8,4	
15	231220759	Nguyễn Thanh Hải	K64.CNTT1	00,0	K ^o học
16	231230768	Hà Thị Thúy Hiền	K64.CNTT1	10,0	
17	231220770	Phạm Duy Hiên	K64.CNTT1	6,6	
18	231230777	Nguyễn Trung Hiếu	K64.CNTT1	5,8	
19	231230780	Trần Minh Hiếu	K64.CNTT1	7,6	
20	231210782	Vũ Minh Hiếu	K64.CNTT1	4,4	
21	231230795	Lê Hà Mạnh Hùng	K64.CNTT1	5,0	
22	231230796	Phùng Đình Hùng	K64.CNTT1	10,0	
23	V232131524	Nguyễn Quang Huy	K64.CNTT1	00,0	K ^o học
24	231220800	Nguyễn Tương Huy	K64.CNTT1	6,8	
25	231230802	Vũ Quốc Huy	K64.CNTT1	4,2	
26	231230811	Bùi Văn Khoa	K64.CNTT1	8,8	
27	231230812	Khuất Đăng Khoa	K64.CNTT1	7,6	
28	231230822	Lê Văn Linh	K64.CNTT1	6,6	
29	231230825	Ta Duy Linh	K64.CNTT1	6,8	
30	231220827	Cao Ngọc Long	K64.CNTT1	7,6	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


N.M. Hùng

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần :Xác suất thống kê-1-2-23(N05)

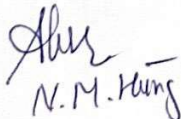
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N05)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
31	231230830	Vũ Đức Long	K64.CNTT1	5,6	
32	231230838	Nguyễn Tuấn Mạnh	K64.CNTT1	4,4	
33	231230841	Hà Bình Minh	K64.CNTT1	8,4	
34	231230846	Mai Phương Nam	K64.CNTT1	4,4	
35	231230851	Hoàng Văn Nghĩa	K64.CNTT1	6,8	
36	231230857	Hồ Văn Nhi	K64.CNTT1	6,0	
37	231230858	Lê Thị Yến Nhi	K64.CNTT1	7,6	
38	231230859	Vũ Đức An Ninh	K64.CNTT1	5,2	
39	231230862	Lê Văn Phong	K64.CNTT1	5,2	
40	231230864	Nguyễn Tuấn Phong	K64.CNTT1	3,2	
41	231230869	Bùi Ngọc Phúc	K64.CNTT1	5,2	
42	231230872	Nguyễn Trường Phúc	K64.CNTT1	5,2	
43	231230874	Vũ Đức Phúc	K64.CNTT1	4,2	
44	231220875	Cao Vũ Minh Quang	K64.CNTT1	6,0	
45	231230876	Đỗ Đức Minh Quang	K64.CNTT1	10,0	
46	231230880	Hoàng Mạnh Quân	K64.CNTT1	9,2	
47	231230881	Lê Văn Quân	K64.CNTT1	6,0	
48	231230883	Ngô Minh Quyết	K64.CNTT1	7,6	
49	231230888	Nguyễn Giang Sơn	K64.CNTT1	6,8	
50	231230910	Lê Thị Thảo	K64.CNTT1	10,0	
51	231230912	Nguyễn Quang Thắng	K64.CNTT1	6,8	
52	231230913	Nguyễn Công Thắng	K64.CNTT1	8,0	
53	231230917	Trần Đức Thịnh	K64.CNTT1	8,4	
54	231230920	Nguyễn Ngọc Thuận	K64.CNTT1	6,8	
55	231230921	Lê Thị Thanh Thúy	K64.CNTT1	5,2	
56	231230930	Trần Văn Trinh	K64.CNTT1	8,2	
57	231230936	Nguyễn Mạnh Trường	K64.CNTT1	1,2	
58	231230945	Nguyễn Đăng Tuấn	K64.CNTT1	5,6	
59	231220952	Phạm Nguyễn Thanh Tùng	K64.CNTT1	8,4	
60	231230953	Phạm Thanh Tùng	K64.CNTT1	4,4	

Tông số SV:

Giáo viên chấm thi


N.M. Hùng

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chấm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N05)

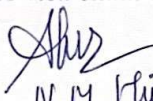
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N05)

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
61	231230961	Trần Hoàng	Việt	K64.CNTT1	9,2	
62	231220962	Lê Phạm Thế	Vũ	K64.CNTT1	6,8	
63	231230964	Phan Quốc	Vương	K64.CNTT1	1,6	
64	231230966	Cao Thị Thanh	Xuân	K64.CNTT1	8,4	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


N.M. Hùng

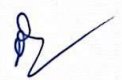
Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Long
xung

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N06)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0 105 3-1-2-23(N06)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
1	231230703	Hoàng Quốc Anh	K64.CNTT2	6,9	
2	231230714	Phạm Ngọc Ánh	K64.CNTT2	7,3	
3	231230716	Nguyễn Đức Bắc	K64.CNTT2	9,0	
4	231230724	Đỗ Mạnh Cường	K64.CNTT2	5,6	
5	231230725	Lương Việt Doanh	K64.CNTT2	7,3	
6	231230727	Ngô Văn Dũng	K64.CNTT2	9,4	
7	231230729	Đỗ Quang Duy	K64.CNTT2	8,3	
8	231210730	Nguyễn Thái Duy	K64.CNTT2	7,7	
9	231230731	Nguyễn Tiến Duy	K64.CNTT2	7,3	
10	231220734	Nguyễn Thanh Dương	K64.CNTT2	6,0	
11	231220738	Nguyễn Tuấn Đạt	K64.CNTT2	9,4	
12	231230742	Trần Văn Điểm	K64.CNTT2	7,0	
13	231230744	Nguyễn Quang Định	K64.CNTT2	7,4	
14	231230747	Bùi Hải Đức	K64.CNTT2	9,1	
15	231230754	Nguyễn Thi Giang	K64.CNTT2	9,3	
16	231230757	Nguyễn Văn Hà	K64.CNTT2	6,5	
17	231230758	Lê Thanh Hải	K64.CNTT2	7,8	
18	231230767	Nguyễn Công Hậu	K64.CNTT2	8,3	
19	231230776	Nguyễn Trung Hiếu	K64.CNTT2	9,5	
20	231220789	Nguyễn Văn Hoàng	K64.CNTT2	8,0	
21	231230792	Trần Huy Hoàng	K64.CNTT2	0,7	
22	231230797	Đặng Hoàng Huy	K64.CNTT2	9,0	
23	231230804	Đinh Quang Hưng	K64.CNTT2	8,7	
24	231230805	Lê Bá Hưng	K64.CNTT2	8,9	
25	231230807	Vũ Tuấn Hưng	K64.CNTT2	9,8	
26	231230809	Lê Xuân Khánh	K64.CNTT2	8,3	
27	231230817	Vũ Đình Kiên	K64.CNTT2	5,9	
28	231230823	Nguyễn Ngọc Anh Linh	K64.CNTT2	9,5	(9,5) không
29	231230835	Hoàng Bình Mạnh	K64.CNTT2	00,0	
30	231230845	Khúc Phương Nam	K64.CNTT2	10,0	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi

Trần Văn Long

Ghi chú:

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng

Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N06)

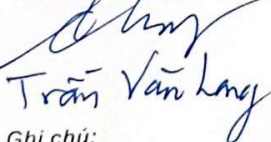
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N06)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
31	231230849	Trần Vệ Nam	K64.CNTT2	6,2	
32	231230865	Vũ Tuấn Phong	K64.CNTT2	8,5	
33	231230866	Phạm Danh Phổ	K64.CNTT2	9,8	
34	231230867	Bùi Huy Phú	K64.CNTT2	7,7	
35	231230871	Nguyễn Sĩ Phúc	K64.CNTT2	8,3	
36	231220886	Đoàn Thái Sơn	K64.CNTT2	10,0	
37	231230884	Đỗ Ngọc Trường Sơn	K64.CNTT2	8,9	
38	231230887	Lũ Vũ Thái Sơn	K64.CNTT2	9,8	
39	231230891	Trần Ngọc Sơn	K64.CNTT2	8,3	
40	231210892	Trần Tiến Sơn	K64.CNTT2	9,0	
41	231230897	Vũ Việt Tân	K64.CNTT2	8,4	
42	231230898	Nguyễn Đức Thạch	K64.CNTT2	10,0	
43	231230902	Ngô Thi Thanh	K64.CNTT2	8,4	
44	231230903	Nguyễn Văn Thanh	K64.CNTT2	8,0	
45	231230904	Bùi Huy Thành	K64.CNTT2	5,6	
46	231230905	Đinh Xuân Thành	K64.CNTT2	5,8	
47	231220914	Chu Nguyễn Khánh Thiện	K64.CNTT2	8,9	
48	231230918	Lương Đức Thoan	K64.CNTT2	4,6	
49	231230923	Nguyễn Mạnh Tiến	K64.CNTT2	8,3	
50	231230925	Đỗ Hữu Toàn	K64.CNTT2	7,1	
51	231230926	Phạm Quốc Toàn	K64.CNTT2	8,6	
52	231230932	Nguyễn Đức Trọng	K64.CNTT2	6,6	
53	231230938	Nguyễn Văn Trường	K64.CNTT2	8,4	
54	231230939	Phạm Văn Trường	K64.CNTT2	9,1	
55	231230941	Nguyễn Văn Tú	K64.CNTT2	8,7	
56	231230946	Phạm Minh Tuấn	K64.CNTT2	8,6	
57	231230949	Hồ Việt Tùng	K64.CNTT2	10,0	
58	231220951	Nguyễn Lâm Tùng	K64.CNTT2	4,6	
59	231220956	Đào Văn Tuyển	K64.CNTT2	8,6	
60	231230957	Phan Quốc Uy	K64.CNTT2	5,3	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


Trần Văn Long

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH(Tiếp theo)
Khóa K64 - Học kỳ chính - Đợt 1 - Kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần :Xác suất thống kê-1-2-23(N06)

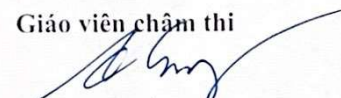
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N06)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
61	231230963	Nguyễn Đức Minh Vũ	K64.CNTT2	7,3	

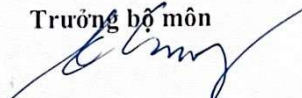
Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


Trần Văn Long

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vương

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N07)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0 105 3-1-2-23(N07)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
1	231220700	Đỗ Văn An	K64.CNTT3	3,8	
2	231230701	Lương Hoài An	K64.CNTT3	4,5	
3	231230705	Lê Hoàng Anh	K64.CNTT3	4,0	
4	231230706	Ly Seo Anh	K64.CNTT3	5,7	
5	231230707	Nguyễn Duy Anh	K64.CNTT3	5,0	
6	231230715	Lê Duy Gia Bảo	K64.CNTT3	3,3	
7	231230719	Trần Xuân Bắc	K64.CNTT3	9,2	
8	231230726	Lương Tiến Dũng	K64.CNTT3	3,8	
9	231230735	Trần Đức Dương	K64.CNTT3	8,3	
10	231230736	Đỗ Xuân Đạt	K64.CNTT3	3,5	
11	231230739	Phùng Tuấn Đạt	K64.CNTT3	7,6	
12	231220741	Trình Tiến Đạt	K64.CNTT3	4,2	
13	231230748	Nguyễn Anh Đức	K64.CNTT3	10,0	
14	231230749	Nguyễn Trung Đức	K64.CNTT3	3,0	
15	231220753	Lại Trường Giang	K64.CNTT3	4,0	
16	882380005	Hà Văn Hải	K64.CNTT3	5,2	
17	231230764	Hoàng Đình Hào	K64.CNTT3	4,3	
18	231230766	Vũ Thi Thanh Hằng	K64.CNTT3	4,8	
19	231230769	Đàm Trọng Hiền	K64.CNTT3	2,3	
20	231230772	Đồng Minh Hiếu	K64.CNTT3	5,0	
21	231230774	Nguyễn Hải Hiếu	K64.CNTT3	6,2	
22	231230781	Vũ Minh Hiếu	K64.CNTT3	8,3	
23	231230783	Nguyễn Huy Tâm Hoa	K64.CNTT3	2,8	
24	231230787	Đinh Đức Hoàng	K64.CNTT3	9,7	
25	231230788	Nguyễn Huy Hoàng	K64.CNTT3	3,0	
26	231230791	Nguyễn Việt Hoàng	K64.CNTT3	9,4	
27	231230794	Lương Duyên Hợp	K64.CNTT3	6,8	
28	231230798	Lê Hoàng Huy	K64.CNTT3	10,0	
29	231230799	Mai Trường Huy	K64.CNTT3	5,0	
30	231230806	Trần Hữu Hưng	K64.CNTT3	4,0	

Tổng số SV: 30

Giáo viên chấm thi

M.P. Bình

Ghi chú:

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng

Lê Quang Vương

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần :Xác suất thống kê-1-2-23(N07)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N07)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
31	231230821	Lưu Tùng Lâm	K64.CNTT3	2,5	2,5
32	231230824	Nguyễn Thị Thùy Linh	K64.CNTT3	10,0	
33	231220829	Hà Việt Long	K64.CNTT3	7,9	
34	231230832	Trần Đức Lương	K64.CNTT3	2,0	
35	231230834	Nguyễn Phạm Hoàng Mai	K64.CNTT3	7,9	
36	231230836	Nguyễn Tiến Mạnh	K64.CNTT3	7,0	
37	231220839	Đỗ Duy Minh	K64.CNTT3	3,5	
38	231230842	Ngô Thế Minh	K64.CNTT3	4,3	
39	231230847	Nguyễn Bá Nam	K64.CNTT3	6,4	
40	231230853	Giáp Văn Ngọc	K64.CNTT3	5,6	
41	231230855	Phạm Đức Nguyễn	K64.CNTT3	7,9	
42	231220861	Hà Văn Phong	K64.CNTT3	5,8	
43	231230870	Hoàng Bảo Phúc	K64.CNTT3	6,6	
44	231210877	Đinh Vũ Minh Quang	K64.CNTT3	5,3	
45	231230878	Phạm Tiến Quang	K64.CNTT3	6,1	
46	231230879	Trịnh Đức Quang	K64.CNTT3	2,8	
47	231230882	Nguyễn Sỹ Quyền	K64.CNTT3	2,5	
48	231230885	Đặng Quang Sơn	K64.CNTT3	8,6	
49	231220893	Lưu Đình Thế Tài	K64.CNTT3	4,7	
50	231230895	Nguyễn Văn Tâm	K64.CNTT3	5,1	
51	231210899	Nguyễn Duy Thái	K64.CNTT3	8,8	
52	231230900	Nguyễn Văn Thái	K64.CNTT3	7,4	
53	231230909	Nguyễn Trung Thành	K64.CNTT3	4,6	
54	231230916	Nguyễn Quốc Thịnh	K64.CNTT3	5,9	
55	231230922	Bùi Minh Thương	K64.CNTT3	5,1	
56	231230931	Hoàng Đức Trọng	K64.CNTT3	8,8	
57	231230940	Nguyễn Văn Tú	K64.CNTT3	4,8	
58	231230942	Nguyễn Hữu Tuấn	K64.CNTT3	3,8	
59	231230943	Đỗ Khắc Tuấn	K64.CNTT3	6,3	
60	231230947	Trần Công Tuấn	K64.CNTT3	7,8	

Tổng số SV: 60

Giáo viên chấm thi


M.P. Binh

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần :Xác suất thống kê-1-2-23(N07)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N07)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
61	231230948	Bùi Thanh Tùng	K64.CNTT3	9,2	
62	231230954	Trần Văn Tùng	K64.CNTT3	5,3	
63	231230955	Đình Quang Túy	K64.CNTT3	5,0	
64	231230958	Bùi Văn Ván	K64.CNTT3	5,8	
65	231230959	Lê Văn Việt	K64.CNTT3	3,3	
66	231234698	LƯU ĐỨC THINH	K64.CNTT3	8,3	

Tổng số SV: 66

Giáo viên chấm thi

M.P. Binh

Ghi chú:

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng

Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N08)

Số Tin chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N08)

xong

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
1	231210702	Đinh Thị Phương Anh	K64.CNTT4	8,1	
2	231230709	Nguyễn Tuấn Anh	K64.CNTT4	9,6	
3	231230712	Thạc Duy Anh	K64.CNTT4	7,4	
4	231230718	Trần Văn Bắc	K64.CNTT4	9,0	
5	231230720	Phạm Thái Bình	K64.CNTT4	7,9	
6	231230721	Phạm Xuân Bình	K64.CNTT4	7,7	
7	231230722	Đặng Thanh Cao	K64.CNTT4	8,5	
8	231220732	Bùi Thế Duyệt	K64.CNTT4	7,5	
9	231230737	Hoàng Tiến Đạt	K64.CNTT4	8,9	
10	231230740	Ta Văn Đạt	K64.CNTT4	0,3	
11	231230743	Đinh Văn Điệp	K64.CNTT4	6,6	
12	231230755	Nguyễn Hữu Giáp	K64.CNTT4	9,6	
13	231230760	Trần Quang Hải	K64.CNTT4	8,8	
14	231230761	Vũ Nguyễn Đức Hải	K64.CNTT4	8,0	
15	231230762	Vũ Thanh Hải	K64.CNTT4	7,2	
16	231230765	Phạm Thị Thu Hằng	K64.CNTT4	9,6	
17	231230771	Đỗ Hoàng Hiếu	K64.CNTT4	8,8	
18	231230773	Nguyễn Đức Hiếu	K64.CNTT4	00,0	không học
19	231220775	Nguyễn Phúc Hiếu	K64.CNTT4	7,1	
20	231220778	Phạm Minh Hiếu	K64.CNTT4	6,4	
21	231230779	Trịnh Minh Hiếu	K64.CNTT4	9,8	
22	231230784	Trần Văn Hoan	K64.CNTT4	9,6	
23	231230785	Trần Hữu Hoàn	K64.CNTT4	00,0	không học
24	231230786	Bế Việt Hoàng	K64.CNTT4	9,2	
25	231230790	Nguyễn Việt Hoàng	K64.CNTT4	7,6	
26	231230801	Vũ Quang Huy	K64.CNTT4	8,6	
27	231210803	Nghiêm Thi Huyền	K64.CNTT4	8,4	
28	231230808	Dương Đức Khánh	K64.CNTT4	5,7	
29	231230813	Vũ Đăng Khoa	K64.CNTT4	7,4	
30	231230814	Đỗ Hồng Khôi	K64.CNTT4	7,7	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi

Nữ Huy Hoàng
Ghi chú:

Trưởng bộ môn

PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng

Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N08)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N08)

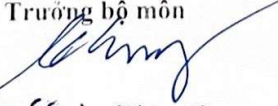
TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
31	231230816	Phạm Đình Kiên	K64.CNTT4	9,2	
32	231230818	Trần Văn Kiệt	K64.CNTT4	8,8	
33	231230819	Nguyễn Mai Kỳ	K64.CNTT4	0,5	
34	231220828	Hồ Nguyễn Long	K64.CNTT4	6,5	
35	231220831	Ngô Xuân Lộc	K64.CNTT4	7,3	
36	231230833	Lai Ngọc Mai	K64.CNTT4	9,2	
37	231230837	Nguyễn Tiến Mạnh	K64.CNTT4	8,7	
38	231230840	Đỗ Hoàng Minh	K64.CNTT4	9,2	
39	231230843	Vũ Quang Minh	K64.CNTT4	10,0	
40	231230844	Dương Xuân Nam	K64.CNTT4	7,6	
41	231230848	Nguyễn Hải Nam	K64.CNTT4	7,4	
42	231230852	Phạm Duy Nghĩa	K64.CNTT4	10,0	
43	231230854	Hoàng Bá Ngọc	K64.CNTT4	7,4	
44	231230856	Nguyễn Long Nhật	K64.CNTT4	9,8	
45	231230860	Phạm Anh Phi	K64.CNTT4	9,4	
46	231230863	Nguyễn Duy Phong	K64.CNTT4	0,5	
47	231230873	Trần Quang Phúc	K64.CNTT4	7,0	
48	231230889	Nguyễn Khánh Sơn	K64.CNTT4	8,0	
49	231230890	Nông Trường Sơn	K64.CNTT4	6,7	
50	231230896	Phạm Văn Tâm	K64.CNTT4	8,6	
51	231230901	Võ Hữu Thái	K64.CNTT4	10,0	
52	231230906	Lê Phúc Thành	K64.CNTT4	5,5	
53	231230907	Lê Xuân Thành	K64.CNTT4	8,4	
54	231230908	Nguyễn Đông Thành	K64.CNTT4	7,9	
55	231230911	Nguyễn Thị Phương Thảo	K64.CNTT4	9,2	
56	231220915	Đinh Khánh Thiện	K64.CNTT4	7,4	
57	231230919	Cao Thị Minh Thu	K64.CNTT4	00,0	không học
58	231210924	Doãn Đức Toàn	K64.CNTT4	8,8	
59	231230927	Đinh Hải Triều	K64.CNTT4	7,3	
60	231230929	Lò Văn Trính	K64.CNTT4	7,2	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


Ngô Huy Hoàng
Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần :Xác suất thống kê-1-2-23(N08)

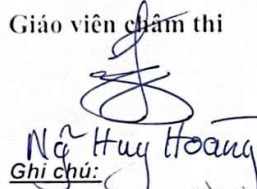
Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N08)

TT	Mã số SV	Họ và tên		Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
61	231230933	Nguyễn Đăng	Trung	K64.CNTT4	8,8	
62	231230934	Vũ Quốc	Trung	K64.CNTT4	6,8	
63	231230935	Đinh Văn	Trường	K64.CNTT4	7,5	
64	231230937	Nguyễn Văn	Trường	K64.CNTT4	9,4	
65	231230944	Ngô Minh	Tuấn	K64.CNTT4	8,4	
66	231230950	Nguyễn Hoàng	Tùng	K64.CNTT4	8,4	
67	231230960	Trần Công	Việt	K64.CNTT4	10,0	
68	231220965	Lê Thanh	Vy	K64.CNTT4	8,6	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi

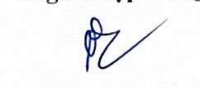

Ngô Huy Hoàng
Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chấm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLDT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLDT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N09)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0.105.3-1-2-23(N09)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
1	233630624	Cao Đức Anh	K64.KHMT	9,0	
2	233630625	Lê Đức Anh	K64.KHMT	9,7	
3	233630626	Nguyễn Quang Anh	K64.KHMT	5,4	
4	233630627	Trương Quốc Anh	K64.KHMT	8,8	
5	233630628	Vũ Ngọc Anh	K64.KHMT	6,2	
6	233630629	Vũ Nguyễn Ngọc Bảo	K64.KHMT	9,6	
7	233630631	Đới Trọng Cảnh	K64.KHMT	7,2	
8	233630633	Lê Thị Anh Chúc	K64.KHMT	8,8	
9	233630634	Nguyễn Đức Duy	K64.KHMT	5,8	
10	233630635	Nguyễn Văn Duy	K64.KHMT	10,0	
11	233630636	Phạm Ngọc Duy	K64.KHMT	7,4	
12	233630637	Hà Hải Dương	K64.KHMT	7,9	
13	233630638	Nông Hoàng Hải Đăng	K64.KHMT	4,5	
14	233630639	Nguyễn Xuân Đức	K64.KHMT	9,2	
15	233630640	Nguyễn Hoàng Giang	K64.KHMT	7,6	
16	233630641	Bùi Vũ Thu Hà	K64.KHMT	7,8	
17	233630642	Dương Minh Hải	K64.KHMT	8,8	
18	233630643	Lê Hồng Hạnh	K64.KHMT	8,3	
19	233630645	Đỗ Trọng Hiếu	K64.KHMT	4,8	
20	233630646	Đỗ Văn Hiếu	K64.KHMT	7,6	
21	233630647	Lý Đức Hiếu	K64.KHMT	8,6	
22	233620648	Nguyễn Huy Hiếu	K64.KHMT	0,9	
23	233620650	Nguyễn Minh Hiếu	K64.KHMT	9,8	
24	233630649	Nguyễn Minh Hiếu	K64.KHMT	9,6	
25	233620652	Trần Văn Hùng	K64.KHMT	8,9	
26	233620653	Lê Đình Huy	K64.KHMT	8,8	
27	233620654	Nguyễn Thái Hưng	K64.KHMT	8,6	
28	233630655	Nguyễn Quốc Khánh	K64.KHMT	8,6	
29	233630656	Phạm Như Khôi	K64.KHMT	9,6	
30	233630657	Hoàng Trung Kiên	K64.KHMT	4,4	

Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi

Bùi Hương

Ghi chú:

Trưởng bộ môn

GS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng

Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH(Tiếp theo)
Khóa K64 - Học kỳ chính - Đợt 1 - Kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N09)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0 105 3-1-2-23(N09)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
31	233630658	Trần Đức Long	K64.KHMT	9,6	
32	233630659	Lê Văn Lực	K64.KHMT	7,9	
33	233620660	Vũ Bá Lực	K64.KHMT	5,1	
34	233630661	Đổng Đức Mạnh	K64.KHMT	7,2	
35	233630662	Mai Huy Minh	K64.KHMT	7,9	
36	233620663	Nguyễn Quý Minh	K64.KHMT	9,3	
37	233630664	Nguyễn Nhật Nam	K64.KHMT	8,3	
38	233630665	Nguyễn Thanh Nam	K64.KHMT	6,9	
39	233630666	Nguyễn Văn Năng	K64.KHMT	9,9	
40	233630667	Nguyễn Tú Nga	K64.KHMT	6,7	
41	233630668	Trương Đức Nhật	K64.KHMT	8,8	
42	233630669	Hoàng Văn Phong	K64.KHMT	10,0	
43	233630670	Nguyễn Vũ Phong	K64.KHMT	7,5	
44	233630671	Đào Duy Quang	K64.KHMT	6,5	
45	233630672	Nguyễn Bá Minh Quân	K64.KHMT	6,4	
46	233630673	Trình Minh Quân	K64.KHMT	9,0	
47	233630674	Nguyễn Quang Quyền	K64.KHMT	9,3	
48	233620675	Nguyễn Thạch Trường Sơn	K64.KHMT	9,0	
49	233630676	Trình Thái Sơn	K64.KHMT	8,1	
50	233620677	Vi Đình Sơn	K64.KHMT	5,8	
51	V232131537	Vũ Lê Sơn	K64.KHMT	2,5	
52	233630678	Nguyễn Doãn Tây	K64.KHMT	9,0	
53	233630679	Đoàn Ngọc Thái	K64.KHMT	9,8	
54	233630680	Lê Xuân Thái	K64.KHMT	7,6	
55	233620681	Nguyễn Tiến Thành	K64.KHMT	4,5	
56	233630682	Nguyễn Việt Thành	K64.KHMT	00,0	Xin tạm ngưng
57	233630683	Nguyễn Quyết Thắng	K64.KHMT	5,8	
58	233630684	Nguyễn Mạnh Thế	K64.KHMT	8,8	
59	233630685	Trần Đức Trọng	K64.KHMT	9,0	
60	233630687	Nguyễn Nhật Trung	K64.KHMT	6,5	

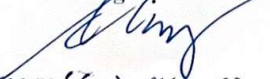
Tổng số SV:

Giáo viên chấm thi


Bùi Hương

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP

Học phần: Xác suất thống kê

Tên lớp học phần: Xác suất thống kê-1-2-23(N09)

Số Tín chỉ : 3

Mã học phần: BS0 105 3-1-2-23(N09)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Lớp	Điểm đánh giá quá trình	Ghi chú
61	233630688	Phùng Chu Minh	Trung	K64.KHMT	7,6
62	233630689	Nguyễn Xuân	Trưởng	K64.KHMT	9,3
63	233630690	Ngô Văn	Tuân	K64.KHMT	9,6
64	233630691	Đỗ	Tuấn	K64.KHMT	9,0
65	233630692	Nguyễn Anh	Tuấn	K64.KHMT	3,7
66	233630693	Phạm Văn	Tùng	K64.KHMT	8,5
67	233630694	Đỗ Đăng	Vinh	K64.KHMT	7,6
68	233630695	Nguyễn Ngọc	Vinh	K64.KHMT	9,9
69	233630696	Vũ Quang	Vinh	K64.KHMT	7,2
70	233630697	Hoàng Hồng	Vũ	K64.KHMT	5,3
71	233630699	Hà Hoài	Xuân	K64.KHMT	6,9

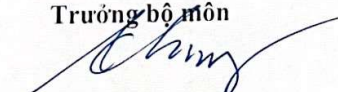
Tổng số SV: 71

Giáo viên chấm thi


Bùi Hương

Ghi chú:

Trưởng bộ môn


PGS.TS. Trần Văn Long

Ngày 3 tháng 6 năm 2024

Người lập bảng


Lê Quang Vượng

- Ghi đầy đủ ký hiệu điểm đặc biệt theo qui định (nếu có)
- Bộ môn nộp điểm chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc học học phần đến phòng Đào tạo Đại học và
- Sinh viên có điểm quá trình bằng 0 nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HL
- Sinh viên bị gạch tên do nợ học phí nhập ký hiệu đặc biệt trên phần mềm QLĐT là HP